

Bản án số: 39/2021/HS-ST

Ngày 20 - 8 - 2021

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chuyên

2. Bà Vũ Thị Hoàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Ngoan - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 31/2021/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2021 đối với:

1. Bị cáo **Phạm Quang T**, sinh ngày 01/10/1987 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Đặng Thị M; có vợ Đặng Thị T và có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2019; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, hiện bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. Bị cáo **Đặng Tiến L**, sinh ngày 10/12/1989 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn 6, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân M và bà Nguyễn Thị Y; vợ Đỗ Thị Y1 và có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/6/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì, thành

phó Hà Nội xử phạt 08 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng về tội: “ Trộm cắp tài sản”. Bị cáo là ông Đặng Xuân M được tặng thưởng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. *Bị cáo Hoàng Ngọc T*, sinh ngày 05/5/1979 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn B, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc N và bà Nguyễn Thị H; vợ Nguyễn Thị H1 và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 11/02/1998 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đến ngày 11/02/2000 xuất ngũ.

Bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt

4. *Bị cáo Bùi Văn Đ*, sinh ngày 02/7/1987 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn S (đã chết) và bà Đặng Thị L; Vợ: Phạm Thị Thanh T và có 01 con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

5. *Bị cáo Đỗ Đức N*, sinh ngày 19/9/1991 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

Nơi cư trú: thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn Q (đã chết) và bà Đặng Thị Q1 ; có vợ là Trần Thị Thanh H và có 01 con sinh năm 2020;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, được thay đổi biện pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. *Bị cáo Phạm Văn N1* sinh ngày 16/02/1986 tại xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình Nơi cư trú: thôn 1, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Phạm Thị N; vợ Vũ Thị N1 và có 01 con sinh năm 2009;

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 09/02/2004 tham gia quân đội nhân dân Việt Nam và xuất ngũ ngày 06/01/2006

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, được thay đổi biện

pháp ngăn chặn, áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; “có mặt”.

7. *Người làm chứng:*

- Ông Phạm Văn B, sinh năm 1960, vắng mặt

Đều cư trú tại: thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trưa ngày 14/4/2021, các bị cáo T, Điều, Nam, L cùng nhau ăn trưa tại quán ăn của bị cáo T1. Đến khoảng 12 giờ 30 phút cùng ngày, các bị cáo T, Điều, Nam, L và T1 rủ nhau về nhà ở của bị cáo T để đánh bạc. Trên đường về bị cáo T vào quán tạp hóa Thúy Thọ của chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 tại thôn 2, xã V huyện K mua 01 bộ bài tú lơ khơ. Về đến nhà bị cáo T, các bị cáo lên phòng ngủ tầng 2 ngồi dưới nền nhà dùng bộ bài tú lơ khơ đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Những người chơi quy định trước khi chia bài phải đặt cửa là 20.000 đồng, tố lên cao nhất là 200.000 đồng. Sau đó mỗi người chơi được chia 03 lá bài từ bộ bài tú lơ khơ 52 quân rồi tính điểm. Cách tính điểm như sau: Cao nhất là 03 quân bài trùng nhau gọi là “Sáp”, thứ tự lớn - bé : “ A, A, A”; “ K, K, K”;...; “ 3, 3, 3”; “2, 2, 2”. Cao thứ hai là 03 quân bài liên tiếp gọi là “ Liêng”, thứ tự lớn - bé: “A, K, Q” ; “ K, Q, J” ... “ 4, 3, 2”; “ 3, 2, A”. Cao thứ ba là 03 quân bài đầu hình, không “ Sáp”, không “ Liêng”, thứ tự lớn - bé : “ K, K, Q” ; K, K, J”; “ Q, Q, K”; “ Q, Q, J”; “ J, J, K”; “ J, J, Q”. Cao thứ tư là 03 quân bài 09 điểm, thấp nhất là 0 điểm. Theo cách tính điểm trên, nếu người nào có tổng điểm của 03 quân bài lớn thì sẽ thắng được số tiền của những người chơi còn lại. Người thắng là người chia bài ở ván tiếp theo. Các bị cáo đánh bạc đến khoảng 14 giờ cùng ngày thì bị cáo Phạm Văn N1 đến tham gia chơi cùng. Đến khoảng 14 giờ 15 phút cùng ngày các bị cáo đang chơi thì bị Công an huyện Kiến Xương bắt quả tang. Thu giữ trên chiếu bạc số tiền 14.000.000 đồng và bộ bài tú lơ khơ. Quản lý trên người bị cáo T số tiền 3.000.000 đồng, bị cáo Đỗ Đức N số tiền 1.000.000 đồng và bị cáo Phạm Văn N1 số tiền 800.000 đồng. Bị cáo T1 bỏ trốn đến ngày 27/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương triệu tập bị cáo T1 đến làm việc.

Quá trình điều tra các bị cáo khai số tiền sử dụng vào việc đánh bạc cụ thể như sau:

T 3.300.000 đồng; Điều 2.700.000 đồng, Phạm Văn N1 1.000.000 đồng, Đỗ Đức N 1.400.000 đồng, L 1.050.000 đồng, bị cáo T1 không thừa nhận hành vi đánh bạc cùng các bị cáo trên.

Vật chứng của vụ án: Bộ bài tú lơ khơ 52 quân và số tiền 18.800.000 đồng

Tại bản Cáo trạng số 34/CT-VKSKX ngày 06/7/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình đã truy tố Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự (BLHS).

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử.

Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 phạm tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 BLHS.

- *Hình phạt chính:*

+ Đối với bị cáo Phạm Quang T, áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng, phạt bổ sung từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Bùi Văn Đ, áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng, phạt bổ sung từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Đặng Tiến L, áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo L từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng; phạt bổ sung từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Hoàng Ngọc T1, áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng, phạt bổ sung từ 3 triệu đến 5 triệu đồng.

+ Đối với bị cáo Đỗ Đức N, áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ trừ đi 27 ngày đã được quy đổi, không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

+ Đối với bị cáo Phạm Văn N1, áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 BLHS. Đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ trừ đi 27 ngày đã được quy đổi, không khấu trừ thu nhập của bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS, điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS tịch thu tiêu hủy 10 bộ bài tú lơ khơ 52 quân, tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.800.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

Tại phiên tòa các bị cáo không tranh luận và xin được giảm nhẹ hình phạt để có cơ hội cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Kiến Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, chứng minh hành vi phạm tội của nhau. Ngoài ra còn được chứng minh bằng các chứng cứ sau đây: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kiến Xương lập hồi 14 giờ 30 phút ngày 14/4/2021; Sơ đồ hiện trường; Lời khai của người làm chứng: ông Phạm Văn B, sinh năm 1960, nơi cư trú: thôn 4, xã V, huyện K, tỉnh Thái Bình; Biên bản đối chất giữa các bị cáo Phạm Quang T, Phạm Văn N1, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L với bị cáo Hoàng Ngọc T1.

[3] Từ những căn cứ nêu trên có đủ cơ sở để kết luận: Hồi 14 giờ 15 phút ngày 14/4/2021, tại chỗ ở của bị cáo Phạm Quang T thuộc thôn 4, xã V, huyện K tỉnh Thái Bình, các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T1 và Phạm Văn N1 đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức đánh “Liêng” được thua bằng tiền. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 18.800.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội "Đánh bạc". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Điều 321. Tội “Đánh bạc” quy định:

1. Người nào đánh bạc trái phép dưới bất kỳ hình thức nào được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 5.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc hành vi quy định tại Điều 322 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, gây nguy hại cho xã hội. Vì tệ nạn cờ bạc không những xâm phạm trực tiếp đến trật tự công cộng, gây mất trật tự an ninh tại địa phương mà còn là một tệ nạn xã hội thường dẫn đến các hậu quả nghiêm trọng khác như: mất hết tài sản, tan vỡ hạnh phúc gia đình. Vì vậy cần phải áp dụng mức hình phạt tương ứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của

từng bị cáo, có như vậy mới đủ tác dụng cải tạo giáo dục đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

[5] Hành vi phạm tội của các bị cáo là đồng phạm giản đơn, cùng rủ nhau đánh bạc. Tuy nhiên tính chất, mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo khác nhau do đó cần đánh giá để cá thể hóa trách nhiệm hình sự cho phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Bị cáo T là người chuẩn bị công cụ, địa điểm là chỗ ở của mình sử dụng vào việc đánh bạc, tham gia đánh bạc từ đầu đồng thời là người có số tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhiều nhất nên phải chịu mức án cao hơn các bị cáo khác. Các bị cáo Đ, bị cáo Đỗ Nam, bị cáo L, bị cáo T1 có thời gian tham gia đánh bạc ngang nhau nên cùng giữ vai trò thứ hai sau bị cáo T. Bị cáo Phạm N là người tham gia đánh bạc thời gian ít nên giữ vai trò cuối cùng trong vụ án. Khi bị lực lượng công an bắt quả tang, bị cáo T1 bỏ trốn, trong giai đoạn điều tra bị cáo T1 khai báo chưa thành khẩn vì vậy cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn so với các bị cáo Đ, bị cáo Đỗ N, bị cáo L.

[7] Các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Hoàng Ngọc T1, Đặng Tiến L và Phạm Văn N1 đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào. Các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 đều được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS. Hai bị cáo T1 và bị cáo Phạm N được hưởng thêm 01 tình tiết giảm nhẹ - có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự. Bị cáo Đặng Tiến L đã từng bị xử phạt về hành vi trộm cắp tài sản tuy nhiên từ đó đến trước thời điểm phạm tội bị cáo L chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Bị cáo L được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, có bổ để được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang hạng 3 quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T, Đ, L và T1 đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng nên áp dụng Điều 65 BLHS cho các bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội, tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo, sửa chữa sai lầm và phấn đấu trở thành người công dân tốt là phù hợp với quy định của pháp luật nhưng cần áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền đối với các bị cáo.

[8] Các bị cáo Đỗ Đức N và Phạm Văn N1 sử dụng số tiền đánh bạc ít, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, ngoài hành vi phạm tội lần này không có vi phạm pháp luật nào khác. Xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tạo điều kiện để các bị cáo cải tạo và sửa chữa sai lầm, sớm trở thành người công dân có ích cho xã hội là phù hợp với chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta. Các bị cáo có thời gian tạm giữ là 09 ngày nên được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, các bị cáo sử dụng số tiền đánh bạc ít, thu nhập không ổn định nên không khấu trừ thu nhập đối với các bị cáo.

[10] Xử lý vật chứng của vụ án: 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân là công cụ phạm tội nên tịch thu tiêu hủy theo điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đối với số tiền 18.800.000 đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc nên cần phải tịch thu sung vào ngân sách nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Về án phí: Các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1 phạm tội "Đánh bạc".

II. Hình phạt:

1. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35, Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 58 và Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo *Phạm Quang T* 01 (một) năm tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/8/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Phạm Quang T 3.000.000 (Ba triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước

2. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 BLHS:

Xử phạt bị cáo *Bùi Văn Đ* 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/8/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Bùi Văn Đ 3.000.000 (Ba triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước

Giao các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt bị cáo *Đặng Tiến L* 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/8/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Đặng Tiến L 3.000.000 (ba triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Đặng Tiến L cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Trung, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 321; Điều 17; khoản 3 Điều 35; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58 và Điều 65 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/8/2021.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Hoàng Ngọc T 3.000.000 (Ba triệu) đồng để nộp ngân sách nhà nước.

Giao bị cáo Hoàng Ngọc T cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Ninh, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

5. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Đỗ Đức N 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ trừ đi 27 ngày do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, bị cáo Đỗ Đức N còn phải chấp hành 08 (tám) tháng 03 (ngày) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

6. Căn cứ khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 36; Điều 50; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 58 của BLHS:

Xử phạt bị cáo Phạm Văn N1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ trừ đi 27 ngày do đã bị tạm giữ 09 ngày từ ngày 14/4/2021 đến ngày 23/4/2021, bị cáo Phạm Văn N1 còn phải chấp hành 05 (năm) tháng 03 (ba) ngày cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Phạm Văn N1 và Đỗ Đức N cho Ủy ban nhân dân xã Vũ Quý, huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

III. Xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân theo như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản kê biên ngày 20/7/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương.

-Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 18.800.000 đồng đồng các bị cáo sử dụng đánh bạc. Số tiền này đang được quản lý tại tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương theo ủy nhiệm chi ngày 19/7/2021 của Công an huyện Kiến Xương.

IV. Về án phí: Căn cứ Điều 135, 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Các bị cáo Phạm Quang T, Bùi Văn Đ, Đỗ Đức N, Đặng Tiến L, Hoàng Ngọc T và Phạm Văn N1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 20/8/2021.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- VKDND tỉnh Thái Bình;
- Công an huyện Kiến Xương;
- Các bị cáo;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Xuân

